

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO TIN LÀNH VỚI THIẾT CHẾ XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TÂY NGUYÊN

NGUYỄN VĂN NAM^(*)

Tây Nguyên là nơi sinh sống của hơn 40 dân tộc anh em trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tây Nguyên gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam; phía đông giáp các tỉnh: Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai; phía nam giáp tỉnh Bình Phước; phía tây giáp Lào và Campuchia. Tổng diện tích tự nhiên: 54.474 km² (chiếm 16,3% diện tích của cả nước); dân số 4,66 triệu người (chiếm 5,3% dân số của cả nước), song sự phân bố dân cư không đồng đều, hơn nữa cuộc sống của một bộ phận dân cư còn gặp nhiều khó khăn, trình độ dân trí, chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần thấp, nhiều hủ tục và tập tục chưa xoá bỏ hết. Các điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hoá, xã hội có ảnh hưởng lớn đến tình cảm, tâm lí của đồng bào và tạo ra những nét khác biệt trong quá trình tiếp thu các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo và đạo Tin Lành là một biểu hiện.

Do vị trí địa lí và chính trị, nên Tây Nguyên có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng cả trong hai cuộc kháng chiến trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay. Cùng với vị trí địa lí, đặc điểm mang tính chiến lược của địa bàn Tây Nguyên còn được thể hiện ở hai vấn đề: Dân tộc

và tôn giáo. Bản thân dân tộc và tôn giáo là hai vấn đề nhạy cảm, phức tạp trong lịch sử xã hội loài người, một khi niềm tin tôn giáo được hoà quyện với “chủ nghĩa dân tộc” thì mọi sự kích động từ bên ngoài hay nội tại cũng đều có thể dẫn đến những hậu quả khó lường.

Vì lẽ đó, CMA (The Christian and Missionary Alliance) đã tìm cách truyền bá đạo Tin Lành đến Tây Nguyên: vào dân tộc Kho ở Đà Lạt-Tuyên Đức vào năm 1929 do vợ chồng người Mỹ Jackson; vào dân tộc Êđê-Buôn Mê Thuật năm 1932 do mục sư Gioan On Nyth; vào dân tộc Gia rai-Pleiku năm 1950 do vợ chồng giáo sĩ Amnghan, v.v...

Tính đến tháng 4 năm 2005, tín đồ đạo Tin Lành ở Tây Nguyên là 301.149 người, trong đó đồng bào các dân tộc thiểu số là 282.799 người⁽¹⁾, và đến ngày 20 tháng 9

*. TS., Học viện Chính trị khu vực III, Đà Nẵng.

1. Theo số liệu của Văn phòng Ban chỉ đạo Tây Nguyên:

- Tỉnh Kon Tum: 12.479 tín đồ, dân tộc thiểu số 10.124
- Tỉnh Gia Lai: 70.946 tín đồ, dân tộc thiểu số 69.769
- Tỉnh Đắk Lắk: 111.006 tín đồ, dân tộc thiểu số 106.300
- Tỉnh Đắk Nông: 37.218 tín đồ, dân tộc thiểu số 34.606
- Tỉnh Lâm Đồng: 69.500 tín đồ, dân tộc thiểu số 62.000

năm 2006 đã có 70 chi hội Tin Lành được công nhận ở Tây Nguyên⁽²⁾.

Đạo Tin Lành sẽ còn tồn tại lâu dài ở Tây Nguyên, sự *gia tăng đột biến* của Tin Lành vừa qua không phải là một quá trình tự phát, mà là quá trình có tổ chức, mục đích và phương châm rất cụ thể. Trước đây cũng như hiện nay, CMA luôn coi Tây Nguyên là mảnh đất màu mỡ để phát triển đạo Tin Lành; ngoài ý đồ từ trước, thì việc phát triển đạo Tin Lành thời gian qua còn xuất phát từ nhu cầu tâm linh, tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số. Do đó, việc nghiên cứu đạo Tin Lành ở Tây Nguyên nên chú ý các vấn đề sau:

Thứ nhất, sự tồn tại của đạo Tin Lành ở Tây Nguyên mang đầy đủ yếu tố của một tôn giáo. Xét ở góc độ tín ngưỡng, mặc dù đồng bào vào đạo với nhiều động cơ khác nhau, song không thể không thừa nhận tín ngưỡng, tôn giáo đối với đạo Tin Lành đã trở thành nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân.

Thứ hai, về bản chất thì đạo Tin Lành ở Tây Nguyên là do CMA và Mỹ dựng lên, đầu tư để nó phát triển; dựng lên tổ chức Tin Lành khu vực mang màu sắc dân tộc do người dân tộc (đa số) quản lý với cơ sở vật chất đầy đủ, phục vụ cho hoạt động tôn giáo của đồng bào, huấn luyện đội ngũ giáo sĩ là người dân tộc tại chỗ có chuyên môn, có kinh nghiệm truyền giáo... nhằm thực hiện mục tiêu do CMA đề ra.

+ *Thứ ba*, Tin Lành xâm nhập và phát triển ở Tây Nguyên gắn với âm mưu lâu dài của thực dân, đế quốc; nhưng đồng thời cũng đã làm ảnh hưởng đến thiết chế xã hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

2. Đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên có những truyền thống tốt đẹp luôn được nhắc đến: *Truyền thống cộng*

đồng; truyền thống dân chủ; và truyền thống đoàn kết hoà hợp. Bên cạnh những truyền thống tốt đẹp (tuy còn chất phác, dung dị...), trong đời sống tinh thần của đồng bào không thể không đề cập đến nội dung *tín ngưỡng* của người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, đây cũng là yếu tố để đạo Tin Lành có thể và dễ xâm nhập vào đời sống tinh thần của đồng bào. Người dân tộc thiểu số Tây Nguyên tin rằng có một số hồn bản địa có tác động đến đời sống của con người, và những hồn đó được gọi chung là *Yàng*, và có rất nhiều *Yàng* được biểu hiện dưới nhiều hình thức, trong những trường hợp và ở những địa điểm khác nhau. Với tín ngưỡng thì ở Tây Nguyên, thực hành tôn giáo được đánh dấu bằng việc cúng tế thường xuyên. Đối với đồng bào thì dường như cái thiêng liêng có mặt ở khắp mọi nơi trong đời sống của dân cư miền núi; do đó, mọi công việc tiến hành từ làm nhà, mở đầu cuộc săn, cưới xin... cho đến việc phát một rẫy mới, và mọi sự xuất hiện của tai ương, bệnh tật đều phải cầu xin với một thế giới siêu nhiên phức tạp để cho con người tiếp xúc được với những thế lực mà họ không hiểu nổi. Việc làm ấy không chỉ là sự thần phục và e sợ đối với một thế giới mà họ không nắm được sự vận hành của nó, mà còn là ý chí thiết lập mối quan hệ sâu rộng với môi trường thiên nhiên và xã hội cảm thấy mình gắn bó.

Cùng với việc thờ cúng *Yàng*, đặc điểm của đồng bào các dân tộc thiểu số Tây Nguyên là tính thật thà, mộc mạc, ghét sự dối trá, những điều nói suông, thiếu thực tế, rất dễ tin nhưng cũng rất dễ ngờ, khi mất lòng tin thì khó lấy lại được; sự giúp đỡ về vật chất được coi là bạn, mà không cần xem xét mục đích của sự giúp đỡ. Bên cạnh đó, vẫn có sự hẹp hòi, sùng bái cá nhân, muốn và thích người khác coi mình là quan trọng.

2. Theo báo *Nhân dân*, ngày 21 tháng 9 năm 2006.

Thiết chế xã hội truyền thống và tín ngưỡng cổ truyền của đồng bào các dân tộc thiểu số Tây Nguyên có nhiều ưu điểm, nhưng cũng không ít nhược điểm, hạn chế. Cũng chính từ đó việc du nhập đạo Tin Lành vào dân tộc thiểu số Tây Nguyên phần nào cũng đã ảnh hưởng đến thiết chế xã hội và tín ngưỡng truyền thống. Đạo Tin Lành đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên vừa mơ hồ, vừa khó hiểu, nhưng cũng chính nó là cơ sở để con người tin và nhờ nó cứu rỗi, an ủi, giải thoát và hi vọng vào một thế giới tốt đẹp, cho dù đó là thế giới hư ảo. Để xem xét sự tác động của đạo Tin Lành đối với thiết chế xã hội và tín ngưỡng truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên thiết nghĩ cần phải xem xét cả hai mặt trong những điều kiện lịch sử nhất định. Bởi lẽ, cả thiết chế xã hội và tín ngưỡng truyền thống cũng như sự tác động của đạo Tin Lành đều có cái hợp lý và cái không hợp lý (xét tín ngưỡng thuần túy). Sở dĩ có những điều như vậy là do quan niệm của từng người thuộc các cộng đồng của các nền văn hoá khác nhau, hoặc phụ thuộc vào trình độ dân trí. Những biểu tượng, những điều kiêng cử của một số dân tộc thiểu số cũng giống như đạo Tin Lành thật khó hiểu, phức tạp, nhưng cần được coi trọng nếu chúng ta chấp nhận sự bình đẳng giữa các dân tộc, các tôn giáo, các bản sắc văn hoá khác nhau.

Với tính đa dạng và phức tạp của mình (đạo Tin Lành), nên cho dù có một số ý kiến cho rằng đạo Tin Lành truyền giáo theo khuynh hướng ôn hoà và chậm chạp, do đó, không gây xung đột với nền văn hoá bản địa; nhưng qua diễn biến của hoạt động truyền giáo, sách báo và các ấn phẩm thì đạo Tin Lành lại nổi lên sự va chạm, bài xích các tập tục gia đình trong xã hội và tín ngưỡng truyền thống. Sự ảnh hưởng đó có thể bước đầu nêu lên những vấn đề sau:

Một là, sự phức tạp về chính trị với thiết chế xã hội truyền thống.

Từ ngày truyền đạo Tin Lành vào Tây Nguyên, việc làm của những người cầm đầu đạo Tin Lành cho thấy mục tiêu lâu dài của CMA, và các thế lực chính trị đứng sau CMA, đó là: truyền giáo-thực dân hoá, thực chất đó là sự *sống đôi* trực tiếp nương tựa lẫn nhau để cùng đạt mục đích đề ra. Một mặt, xét về tín ngưỡng, tôn giáo thì đạo Tin Lành xâm nhập vào Tây Nguyên là kết quả tất yếu, phản ánh xu hướng và mục tiêu tôn giáo mà CMA đã đặt ra: *“Dem đức tin đến những nơi chưa từng được nghe danh tiếng của chúa Giêsu”*. Số tín đồ, mục sư, chi hội và nhà thờ được hình thành ở Tây Nguyên không chỉ phản ánh từ phương diện tổ chức và hoạt động của CMA, mà còn cho thấy một thực tế nữa-đó là nhu cầu tín ngưỡng của một bộ phận dân cư trong cộng đồng các dân tộc ở Tây Nguyên. Mặt khác, đạo Tin Lành du nhập vào Tây Nguyên đã được *“cách tân”*, vì vậy, trong chừng mực nhất định đã có sự *“bản địa hoá”* và điều này cũng phản ánh tính *“linh hoạt”*, *“cởi mở”*, *“tự do”* trong nội dung tư tưởng và phương thức tổ chức hoạt động của đạo Tin Lành. Vì thế, họ đã xây dựng được một hệ thống cơ sở vật chất lẫn bộ máy, con người do người dân tộc bản địa quản lý, điều hành công việc nhằm phục vụ và thoả mãn phần nào nhu cầu sinh hoạt tôn giáo - văn hoá - xã hội của bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số.

Xét từ mục đích và việc làm, thì đạo Tin Lành đã tác động đến thiết chế xã hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số Tây Nguyên trên hai phương diện sau:

- *Thứ nhất, truyền thông cộng đồng, đoàn kết hoà hợp.*

Do trình độ lực lượng sản xuất thấp kém, thiên tai, thú dữ, v.v... nên mọi người phải hợp sức để giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng, với tính chất phức tạp về chính trị, đạo Tin Lành đã từng bước phá vỡ truyền thống cộng đồng, đoàn kết và hoà hợp, cuộc sống không gần gũi thân thiện như trước.

Trong sự nghiệp cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, truyền thống đoàn kết, hoà hợp dân tộc được phát huy cao độ, là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng nước ta nói chung và Tây Nguyên nói riêng. Thế nhưng, một số mục sư, một số người cầm đầu đạo Tin Lành lại tuyên truyền không đi bộ đội (không thực hiện nghĩa vụ quân sự), không tham gia các hoạt động đoàn thể, kêu gọi đồng bào các dân tộc thiểu số bài xích người Kinh, đuổi người Kinh về xuôi, v.v... những luận điệu ấy là tiếp tục thực hiện ý đồ chính trị trước đây - ngày 01/1/1926 công sứ Sapachiee tổ chức hội nghị các trưởng làng ở Đăk Lăk và ra “Nghị quyết hội nghị các trưởng làng”, trong đó kích động đồng bào các dân tộc không nên giao lưu tiếp xúc với người Kinh.

- *Thứ hai, truyền thống dân chủ.*

Cho dù truyền thống dân chủ của đồng bào còn thuần phác, nhưng mọi việc đều được bàn bạc, chủ làng chỉ quyết định những gì mà dân làng đã bàn bạc. Giờ đây thì ở một số nơi việc bàn bạc giảm sút, vai trò của già làng cùng với luật tục cũng có sự suy giảm đáng kể, bởi vì, mọi điều đã có Chúa lo lắng, che chở, ở nhà đọc kinh ngày chủ nhật vẫn có cơm no, áo ấm.

- *Hai là, sự phức tạp về xã hội, tập quán, văn hoá.*

Giữa tôn giáo và văn hoá trong nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người

có những điểm tương đồng. Sự tương đồng ấy trước hết là do nhu cầu trong đời sống tinh thần của xã hội; nếu xét ở khía cạnh giáo lí, chúng ta nhận thấy văn hoá và tôn giáo đều hướng tới cái thiện, sự bác ái, bình đẳng, nhân đạo. Trong chừng mực nhất định, sự tương đồng ấy còn thể hiện và lắng đọng lại ở niềm tin, lương tâm, hạnh phúc cũng như truyền thống, phong tục, tập quán của mỗi dân tộc. Tuy nhiên, giữa văn hoá và tôn giáo còn nhiều điểm khác nhau trên nhiều phương diện về nhận thức, mục đích, chuẩn mực, thước đo của sự phát triển.

Từ những khác biệt nêu trên, xét trên phương diện văn hoá thì quá trình du nhập, hoạt động và phát triển của đạo Tin Lành đã ảnh hưởng không nhỏ đến các giá trị văn hoá tốt đẹp của các dân tộc thiểu số, mà cụ thể là:

+ Thay các trường ca, sử thi của các dân tộc thiểu số bằng những tín điều kinh thánh. Thay thế các lễ hội truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Bana, Êđê, M'ông... bằng các nghi lễ tôn giáo.

+ Biến các hình thức sinh hoạt cộng đồng dân tộc thành các sinh hoạt theo hình thức và tổ chức của Tin Lành; biến nhà ở thành nhà nguyện; biến tổ chức buôn làng thành Ban chấp sự các hệ phái.

+ Kích động lớp trẻ từ bỏ tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình; từ bỏ công chiêng và những nhạc cụ dân tộc, cùng với những lễ hội, điệu múa đậm đà bản sắc dân tộc; khuyến khích âm nhạc thánh ca, những vũ điệu Phương Tây, nhạc cụ hiện đại, mĩ mai nhạc cụ dân tộc, v.v...

+ Giương cao ngọn cờ bài trừ mê tín dị đoan, đạo Tin Lành đã phá vỡ những phong tục, tập quán tốt đẹp; hô hào bãi bỏ sinh hoạt cộng đồng, biến công chiêng thành đồng nát; bãi bỏ đốt lửa cộng đồng, bỏ rượu cần và nghe kể chuyện sử thi.

+ Xuyên tạc lịch sử và truyền thống cách mạng của đồng bào các dân tộc thiểu số, kích động đồng bào đòi quyền tự trị và tách ra khỏi sự lãnh đạo của chính quyền.

Có thể coi đạo Tin Lành là một trong những tác nhân chính phá vỡ quan hệ và tính cộng đồng truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Lợi dụng xu thế chung của đồng bào các dân tộc là muốn trút bỏ gánh nặng về các hủ tục, và để phục vụ cho mục đích truyền đạo, những người cầm đầu đạo Tin Lành tranh thủ giương cao ngọn cờ bài trừ mê tín dị đoan, hô hào bãi bỏ sinh hoạt cộng đồng... đã gây nên những tổn thất lớn trong việc giữ gìn và phát huy di sản văn hoá dân tộc. Qua những hoạt động đó, đạo Tin Lành đã tạo nên những quan niệm lệch lạc về văn hoá tinh thần, làm giảm sức đề kháng của văn hoá dân tộc trước sự xâm nhập của tôn giáo.

Ba là, đạo Tin Lành với tín ngưỡng truyền thống.

Điều bao quát nhất là xuất phát từ tư tưởng “*chinh phục dân ngoại*”, “*mở mang nước Chúa*”, các giáo sĩ Tin Lành cho rằng tập tục gia đình, đời sống tâm linh và tín ngưỡng truyền thống của cư dân bản địa đều là “*mê tín dị đoan, lầm lạc và là tội lỗi của kẻ ngoại*”, vì thế phải “*thiết lập chiến trường thuộc linh mới, hầu tranh thủ nhiều linh hồn tội nhân về với Ngài*”.

Về đời sống tâm linh của đồng bào các dân tộc thiểu số thì có cả tích cực lẫn tiêu cực. Sự tác động của đạo Tin Lành vào vùng đồng bào cũng có những hợp lí nhất định, đó là sự tác động làm thay đổi những hủ tục lâu nay. Tuy nhiên, với tư cách là tín ngưỡng độc thân vào vùng đồng bào các dân tộc thiểu số để thay thế tín ngưỡng đa thần thì đạo Tin Lành chẳng những không mang lại cho đồng

bào điều gì mới mẻ, không cởi trói đồng bào khỏi những quan niệm mê tín lạc hậu, mà ngược lại đạo Tin Lành đã lợi dụng để củng cố niềm tin tôn giáo bằng các loại mê tín khác. Cho nên, có thể nói, đối với một bộ phận đồng bào đến với đạo Tin Lành không phải vì tín ngưỡng, tôn giáo, mà là một sự ngộ nhận. Một bộ phận bị mê hoặc bởi những lợi ích vật chất đơn thuần, nhất thời, hoặc những cái không thực, và cũng vì thế họ phủ nhận luôn những cái có thực do Nhà nước và xã hội đem lại.

Điều đáng chú ý là khi truyền bá đạo Tin Lành lên Tây Nguyên, các mục sư Tin Lành đã nghiên cứu kỹ phong tục, tập quán và tín ngưỡng truyền thống của đồng bào các dân tộc để dễ thích nghi; và đối với phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc thiểu số thì họ cho là dã man, tầm tối cần phải cứu rỗi một cách cấp thiết. Những nhà truyền giáo Tin Lành trước đây thường đề cập: Họ (đồng bào các dân tộc thiểu số) chưa hề được dạy dỗ gì đến bản phận với Đức Chúa Trời và với đồng loại; họ cũng chưa biết Đức Chúa Trời thực hữu. Sự tối tăm của lòng họ còn tăm tối hơn bóng tối của cây rừng... anh em chúng ta há lại có thể tiếp tục ngồi không trong khi họ vẫn còn tiếp tục ở trong sự tăm tối... Và chỉ có đấng Christ mới có thể giúp đỡ họ, vì Ngài làm cho họ thoát khỏi đốt nát, mê tín, lầm lạc...

3. Sau nhiều thập kỉ truyền giáo, tuy có gặp khó khăn do sự xung đột với thiết chế xã hội và tín ngưỡng truyền thống, song các nhà truyền giáo rất cuội cũng đã gây dựng nên một cộng đồng Tin Lành tại Tây Nguyên. Cộng đồng Tin Lành ở đây đang từng bước có những chuyển biến nhất định để hội nhập với văn hoá truyền thống của các dân tộc nhằm thực hiện mục tiêu “*chinh phục dân ngoại*”, “*mở mang nước Chúa*”.

Đạo Tin Lành là tôn giáo được cách tân từ Kitô giáo, đã bỏ bớt những rườm rà về nghi lễ và luật lệ, hơn thế nữa khi truyền giáo vào Tây Nguyên, các nhà truyền giáo đã bỏ công nghiên cứu phong tục, tập quán, thiết chế xã hội, cũng như tín ngưỡng truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số, từ đó họ chọn lọc những nội dung phù hợp với trình độ hiểu biết, điều kiện sống của đồng bào các dân tộc thiểu số, và chính điều đó đã tạo điều kiện cho đạo Tin Lành bám rễ và từng bước phát triển ở Tây Nguyên, tuy vẫn còn nhiều mặt chưa thật hoà nhập. Việc du nhập, tồn tại và phát triển của đạo Tin Lành ở Tây Nguyên là một thực tế lịch sử, cho dù đằng sau đó là ý đồ của thực dân, đế quốc. Sự tồn tại ấy là quá trình hoạt động tôn giáo có tổ chức, có đường hướng, có kết quả cụ thể-bao gồm việc truyền bá tín ngưỡng, đào tạo huấn luyện giáo sĩ, phát triển và đoàn ngũ hoá tín đồ, xây dựng tổ chức hội thánh, v.v...

Việc nghiên cứu, đánh giá về đạo Tin Lành ở Tây Nguyên là điều không đơn giản, tuy nhiên, qua nghiên cứu chúng tôi bước đầu nêu lên những vấn đề cần chú ý sau:

Thứ nhất, là tôn giáo được cải cách từ Kitô giáo trong điều kiện lịch sử đã thay đổi (thế kỉ XVI), do vậy, Tin Lành luôn thích nghi với điều kiện, hoàn cảnh để tồn tại và phát triển, ngay trong thời kì (1975-1989) ở Miền Nam, chúng ta có chính sách ngăn chặn, nghiêm cấm (do liên quan với Fulro). Điều này cũng dễ nhận thấy là ở Tây Nguyên trong 43 năm truyền đạo (từ 1932-1975) mặc dù được sự hậu thuẫn trực tiếp của Mỹ-ngụy, nhưng cũng chỉ phát triển được 32.303 tín đồ là đồng bào các dân tộc thiểu số, nhưng từ sau năm 1975 đến nay số tín đồ trong đồng bào các dân tộc thiểu số tăng rất nhanh, tính đến tháng 04 năm 2005

số tín đồ là người các dân tộc thiểu số là 282.799 người (tăng 9 lần so với 43 năm về trước). Sự phát triển ấy đã và đang hướng vào vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng trước đây-nơi mà đời sống kinh tế của đồng bào còn gặp nhiều khó khăn, mặt bằng dân trí và sự hưởng thụ văn hoá của đồng bào còn thấp.

Thứ hai, đạo Tin Lành ở Tây Nguyên hiện nay đang có sự liên hệ chặt chẽ với các tổ chức Tin Lành quốc tế, nhất là đạo Tin Lành Mỹ, thậm chí cả những lực lượng thù địch với chủ nghĩa xã hội, số phần động trong và ngoài nước (Fulro trước đây, và “Nhà nước Đê ga” hiện nay), để nhận được sự hỗ trợ về nhân lực, vật lực trong quá trình phát triển đạo. Do vậy, đạo Tin Lành ở Tây Nguyên trước đây cũng như hiện nay luôn bị các thế lực thù địch lợi dụng nhằm chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Thứ ba, một bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số sẽ gia nhập và trở thành tín đồ của đạo Tin Lành, bởi lẽ, tín ngưỡng dân gian bản địa đang có chiều hướng suy thoái, không phù hợp với cuộc sống hiện nay, do vậy, nhu cầu về một đời sống tâm linh tôn giáo để thay thế những hụt hẫng trong đời sống tâm linh của đồng bào cũng là điều “tự nhiên”. Ở một số nơi những người theo đạo Tin Lành cũng đã xoá bỏ một số tập quán cũ (lạc hậu) như cưới xin, ma chay, quan hệ vợ chồng, v.v... để theo các điều răn của đạo Tin Lành.

Cùng với nhu cầu về tinh thần của một bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số, CMA luôn coi Tây Nguyên là mảnh đất màu mỡ để đạo Tin Lành phát triển, do đó, trong điều kiện nước ta mở cửa, hội nhập thì các thế lực chính trị tiếp tục sử dụng nhiều con đường như: Du lịch, hợp tác kinh tế, viện trợ nhân đạo... để hoạt động và phát triển đạo Tin Lành. Việc làm này nhằm vào các mục tiêu:

+ Phát triển nhanh tín đồ (cho dù chỉ mới là “*đánh trống ghi tên*”) để củng cố thực lực, lấy sự phát triển nhanh tín đồ làm nền tảng cho sự tồn tại của đạo Tin Lành ở Tây Nguyên cả trước mắt cũng như lâu dài. Một khi tín đồ lớn mạnh (đồng về số lượng) sẽ là áp lực để thúc ép Nhà nước ta công nhận tư cách pháp nhân cho những hệ phái chưa được công nhận.

+ Xây dựng Hội Thánh Tin Lành mang màu sắc dân tộc, trước mắt là xây dựng đời sống tâm linh uyển chuyển làm cơ sở để thu hút các đối tượng quần chúng khác nhau; đẩy mạnh công cuộc truyền giáo vào vùng dân tộc thiểu số. Từ yêu cầu đó, những người truyền đạo Tin Lành sẽ tiếp tục có những đổi mới, cải tiến cách hành đạo, đơn giản hoá các nghi thức, luật lệ cho phù hợp với phong tục, tập quán của đồng bào. Nội dung tuyên truyền ngày càng gắn với thực tiễn, tạo cảm giác đạo Tin Lành là tôn giáo gắn bó thiết thực với đời sống của đồng bào; hô hào đả phá các tệ nạn xã hội, tập tục lạc hậu nhằm xây dựng một đời sống mới theo đạo Tin Lành văn minh, lành mạnh: không có trộm cắp, cờ bạc, uống rượu, gia đình hoà thuận, ăn ở hợp vệ sinh, ốm đau được chữa bệnh, khi khổ cực, hoạn nạn được Chúa giúp đỡ, khi chết được Chúa cứu vớt.

+ Hoạt động từ thiện, nhân đạo như một phương tiện để lôi kéo tín đồ. Ở đây cũng cần lưu ý rằng hoạt động từ thiện, nhân đạo là công tác xã hội mà hầu hết các tôn giáo đều sử dụng với hai mục đích: *một là*, vì lòng bác ái, chia sẻ nỗi

đau với những người nghèo khổ, ốm đau, hoạn nạn; *hai là*, từ đó tạo ra niềm tin để lôi cuốn người được giúp đỡ đến với tôn giáo. Trong hai mục đích này thì đối với đạo Tin Lành mục đích thứ hai là chính, nó được thể hiện qua cách làm từ thiện vừa qua ở Tây Nguyên. Đó là chưa kể đến trường hợp những người truyền đạo dùng của cải vật chất nhằm tạo nên sức ép về tâm lý giữa số đồng bào có đạo và đồng bào không có đạo trong thôn buôn. Đồng bào có đạo được cấp vải vóc, thuốc men, thực phẩm, v.v... điều này dễ khiến cho một số người chưa vào đạo đang gặp khó khăn cũng dễ vào đạo để được sự giúp đỡ của Chúa nhân từ.

Cũng như các tôn giáo khác, đạo Tin Lành sẽ còn tồn tại lâu dài, vì lẽ đó, cũng không nên có ý định nhanh chóng giải quyết vấn đề đạo Tin Lành; tuy nhiên, cũng không vì thế mà không phê phán những biểu hiện tiêu cực trong Tin Lành. Nhiệm vụ quan trọng của các cấp, các ngành ở Tây Nguyên là hướng đồng bào các dân tộc vào việc thực hiện cái thiện tránh cái ác, giúp cho họ thấy được đạo đức của tôn giáo có nhiều điều phù hợp với đạo đức của xã hội mà chúng ta đang xây dựng, nhưng đạo đức của tôn giáo cũng không phải là toàn bộ đạo đức của xã hội. Đây cũng là điều cốt lõi trong chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước nhằm đoàn kết tín đồ các tôn giáo khác nhau và những người không theo tôn giáo vì mục tiêu chung: “*Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”./.